

Số: 20 /2010/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 05 tháng 4 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về các chính sách hỗ trợ và tiêu chuẩn, thủ tục xét tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển Công ty Nhà nước thành Công ty Cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2006/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa VII, kỳ họp thứ 10 về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 50/TTr-TNMT ngày 27 tháng 01 năm 2010 và Văn bản số 628/TNMT-QLĐĐ ngày 17 tháng 3 năm 2010,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về các chính sách hỗ trợ và tiêu chuẩn, thủ tục xét tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Quyết định này áp dụng đối với các dự án hoặc các hạng mục trong dự án thu hồi đất được lập và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành. Các dự án, hạng mục trong dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không thực hiện theo Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế cho Quyết định số 08/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2007 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về trình tự, thủ tục, chính sách và tiêu chuẩn tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 10/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2007 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ, thưởng di dời và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 54/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định diện tích và mức hỗ trợ đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư và đất vườn ao liền kề trong khu dân cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 18/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 10/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2007.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi gửi:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Viện KSND tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các cơ quan báo, đài;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CNN, NC, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đinh Quốc Thái**

**QUY ĐỊNH**

**Về các chính sách hỗ trợ và tiêu chuẩn, thủ tục xét tái định cư  
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 20 /2010/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4  
năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định các chính sách hỗ trợ và tiêu chuẩn, thủ tục xét tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định sau:

1. Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi là Nghị định số 197/2004/NĐ-CP);

2. Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 84/2007/NĐ-CP);

3. Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi là Nghị định số 69/2009/NĐ-CP);

4. Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất (sau đây gọi là Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Quy định này áp dụng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất và tài sản gắn liền với đất bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP.

2. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý sử dụng đất, thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

## **Chương II**

### **CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT**

**Điều 3. Hỗ trợ di chuyển** (thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP)

1. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển theo mức quy định sau:

a) Hỗ trợ di chuyển trong phạm vi địa giới hành chính huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa là 4.000.000 đồng/hộ (bốn triệu đồng trên một hộ).

b) Hỗ trợ di chuyển trong phạm vi địa giới hành chính tỉnh nhưng ra ngoài phạm vi địa giới hành chính huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa là 6.000.000 đồng/hộ (sáu triệu đồng trên một hộ).

c) Hỗ trợ di chuyển ra ngoài tỉnh là 8.000.000 đồng/hộ (tám triệu đồng trên một hộ).

d) Trường hợp nhà cho thuê (có hợp đồng cho thuê nhà được cơ quan có thẩm quyền chứng thực) thì chủ cho thuê nhà được hỗ trợ chi phí di chuyển với mức bằng 50% (năm mươi phần trăm) chi phí quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

2. Tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc đang sử dụng đất hợp pháp khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển cơ sở sản xuất, kinh doanh thì được hỗ trợ kinh phí để tháo dỡ, di chuyển và lắp đặt. Mức hỗ trợ được tính theo chi phí thực tế tại thời điểm di dời, trên cơ sở Tổ chức tự kê khai và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường kiểm tra trước khi trình cơ quan thẩm quyền quyết định.

Trường hợp không xác định được chi phí tháo dỡ, di chuyển và lắp đặt thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thuê cơ quan có chức năng thẩm định giá để xác định trước khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

3. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian chờ bố trí vào khu tái định cư

a) Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở đủ tiêu chuẩn tái định cư theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT mà chưa được bố trí tái định cư hoặc tạm cư thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở như sau:

Tại các huyện là 800.000 đồng/hộ/tháng (tám trăm nghìn đồng trên một hộ trên một tháng).

Tại thị xã Long Khánh là 1.000.000 đồng/hộ/tháng (một triệu đồng trên một hộ trên một tháng).

Tại thành phố Biên Hòa là 1.500.000 đồng/hộ/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng trên một hộ trên một tháng).

b) Số tiền hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này áp dụng cho hộ có số nhân khẩu bằng (=) 06 (sáu) người trở xuống, nếu hộ có số nhân khẩu lớn hơn 06 (sáu) người thì mỗi nhân khẩu tăng thêm được hỗ trợ 200.000 đồng/tháng (hai trăm nghìn đồng trên một tháng) tại các huyện, 250.000 đồng/tháng (hai trăm năm mươi nghìn đồng trên một tháng) tại thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa nhưng số tiền hỗ trợ tối đa không quá 1.600.000 đồng/hộ/tháng (một triệu sáu trăm nghìn đồng trên một hộ trên một tháng) tại các huyện, 2.000.000 đồng/hộ/tháng (hai triệu đồng trên một hộ trên một tháng) tại thị xã Long Khánh và 2.500.000 đồng/hộ/tháng (hai triệu năm trăm nghìn đồng trên một hộ trên một tháng) tại thành phố Biên Hòa.

c) Số tháng được hỗ trợ là thời gian thực tế chờ bố trí vào khu tái định cư và được tính từ thời điểm phải di dời đến sau thời điểm được giao đất tái định cư là 05 (năm) tháng hoặc từ thời điểm phải di dời đến sau thời điểm được giao nhà tái định cư là 01 (một) tháng.

4. Trường hợp bị giải tỏa bằng (=) 30% (ba mươi phần trăm) diện tích nhà trở lên, phải tạm di chuyển ra ngoài để chờ sửa chữa lại nhà thì được hỗ trợ chi phí di chuyển và tiền thuê nhà bằng (=) 50% (năm mươi phần trăm) mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 và điểm a, b khoản 3 Điều này. Thời gian hỗ trợ tiền thuê nhà là 03 (ba) tháng.

**Điều 4. Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở (thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP)**

1. Giá trị suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP quy định cụ thể như sau:

a) Tại thành phố Biên Hòa là 300 triệu đồng (ba trăm triệu đồng);

b) Tại các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, thị xã Long Khánh là 250 triệu đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);

c) Tại các huyện còn lại là 200 triệu đồng (hai trăm triệu đồng).

2. Giá trị suất đầu tư hạ tầng của lô đất tái định cư tập trung theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP quy định cụ thể như sau:

a) Tại thành phố Biên Hòa là 150 triệu đồng (một trăm năm mươi triệu đồng);

b) Tại các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, thị xã Long Khánh là 120 triệu đồng (một trăm hai mươi triệu đồng);

c) Tại các huyện còn lại là 100 triệu đồng (một trăm triệu đồng).

3. Việc hỗ trợ tái định cư đối với một số trường hợp thực hiện như sau:

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền phải nộp để nhận đất ở, nhà ở đó lớn hơn giá trị suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều này thì phải nộp khoản tiền chênh lệch đó;

b) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền phải nộp để nhận đất ở, nhà ở đó nhỏ hơn giá trị suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được nhận khoản tiền chênh lệch đó.

4. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP, tự lo chỗ ở thì được nhận một trong các khoản hỗ trợ như sau:

a) Khoản tiền tương đương với khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều này với số tiền được bồi thường, hỗ trợ;

b) Khoản tiền bằng (=) giá trị suất đầu tư hạ tầng theo quy định tại khoản 2 Điều này.

**Điều 5. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP)**

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (kể cả đất vườn, ao và đất nông nghiệp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Quy định này) thì được hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định sau đây:

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 06 tháng (sáu tháng) nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng (mười hai tháng) nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng (hai mươi bốn tháng).

b) Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng (mười hai tháng) nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng (hai mươi bốn tháng) nếu phải di

chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng (ba mươi sáu tháng).

c) Mức hỗ trợ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này cho một nhân khẩu trong 01 tháng (một tháng) được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo (ba mươi kilôgam gạo) theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ.

d) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) nơi có đất bị thu hồi căn cứ khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT, chịu trách nhiệm xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

2. Khi Nhà nước thu hồi đất của tổ chức kinh tế, hộ sản xuất kinh doanh có đăng ký kinh doanh, mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh thì được hỗ trợ bằng (=) 30% (ba mươi phần trăm) một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của ba năm liền kề trước đó.

Thu nhập sau thuế được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan thuế chấp thuận; trường hợp chưa được kiểm toán hoặc chưa được cơ quan thuế chấp thuận thì việc xác định thu nhập sau thuế được căn cứ vào thu nhập sau thuế do đơn vị kê khai tại báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối mỗi năm đã gửi cơ quan thuế.

3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi đất mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp; hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp thì được hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng 75% (bảy mươi lăm phần trăm) giá đất bồi thường tính theo diện tích đất thực tế thu hồi, nhưng không vượt hạn mức diện tích giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 70 Luật Đất đai năm 2003.

4. Hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp (không bồi thường bằng tiền) thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, bao gồm: hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp.

Mức hỗ trợ do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp với cơ quan quản lý về nông nghiệp (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...) xem xét đề xuất Ủy ban nhân dân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường quyết định cho phù hợp với từng trường hợp cụ thể.

**Điều 6. Hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở** (thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và Điều 15 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT)

1. Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở riêng lẻ; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở dọc kênh mương và dọc tuyến đường giao thông thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 50% (năm mươi phần trăm) giá đất ở của thửa đất đó.

Nhà ở nêu tại khoản 1 Điều này là nhà ở mà tại thời điểm tạo lập không vi phạm quy hoạch sử dụng đất đã được công bố hoặc không vi phạm các quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ thì mới được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định này.

2. Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn; thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ bằng 35% (ba mươi lăm phần trăm) giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi.

Giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi được xác định bằng (=) trung bình cộng các mức giá đất ở của khu vực thu hồi đất theo quy định trong Bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Nếu khu vực thu hồi đất không có đất ở thì giá đất ở trung bình được xác định bằng (=) trung bình cộng các mức giá đất ở của xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi theo quy định trong Bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp không xác định được giá đất ở trung bình của khu vực thì xác định theo giá đất ở của thửa đất ở gần nhất có cùng vị trí theo quy định trong Bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

3. Diện tích được hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này bằng (=) diện tích thực tế bị thu hồi nhưng tối đa không quá 05 lần (năm lần) hạn mức diện tích giao đất ở được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

4. Khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của làng, bản, thôn, ấp, buôn, phum, sóc và các điểm dân cư tương tự.

5. Đất nông nghiệp; đất vườn, ao quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này không được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này.

6. Trường hợp mức giá bồi thường và hỗ trợ đối với đất nông nghiệp; đất vườn, ao quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này lớn hơn mức giá bồi thường



đất ở tương ứng thì chỉ được bồi thường và hỗ trợ bằng với mức giá đất ở tương ứng.

7. Chủ tịch UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi chịu trách nhiệm xác nhận thửa đất nông nghiệp; thửa đất ở có vườn, ao quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

**Điều 7. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm** (thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP)

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Quy định này mà không có đất để bồi thường thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP còn được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm theo một trong các hình thức bằng tiền hoặc bằng đất ở hoặc nhà ở hoặc đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp như sau:

a) Hỗ trợ bằng tiền với mức bằng (=) 1,5 lần (một phẩy năm lần) giá đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thực tế bị thu hồi nhưng tối đa không vượt quá hạn mức diện tích giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 70 Luật Đất đai năm 2003.

b) Hỗ trợ một lần bằng một suất đất ở hoặc một căn hộ chung cư hoặc một suất đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp. Việc áp dụng theo hình thức này được thực hiện đối với các địa phương có điều kiện về quỹ đất ở, quỹ nhà ở và người được hỗ trợ có nhu cầu về đất ở hoặc căn hộ chung cư hoặc đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp mà giá trị được hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này lớn hơn hoặc bằng giá trị suất đất ở hoặc căn hộ chung cư hoặc suất đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; phần giá trị chênh lệch được hỗ trợ bằng tiền.

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm quy định tại khoản 1 Điều này hỗ trợ trực tiếp cho người được hỗ trợ.

3. Trường hợp người được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này có nhu cầu được đào tạo, học nghề thì được nhận vào các cơ sở đào tạo nghề và được miễn học phí đào tạo cho một khóa học đối với các đối tượng trong độ tuổi lao động.

Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề cho các đối tượng chuyển đổi nghề nằm trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và được tính trong tổng kinh phí của dự án đầu tư hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (sau đây gọi là phương án bồi thường) được duyệt.

Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề được lập và phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường. Trong quá trình lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề

phải lấy ý kiến của người bị thu hồi đất thuộc đối tượng chuyên đổi nghề và đồng thời với việc lấy ý kiến về phương án bồi thường; hình thức lấy ý kiến thực hiện như việc lấy ý kiến về phương án bồi thường.

### **Chương III CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KHÁC**

#### **Điều 8. Hỗ trợ đối tượng thuộc diện chính sách**

1. Hộ bị thu hồi đất có người thuộc diện Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ bị thu hồi hết đất nông nghiệp hoặc bị thu hồi hết đất ở thì ngoài những hỗ trợ theo quy định còn được hưởng thêm khoản hỗ trợ dành cho những đối tượng thuộc diện chính sách cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ hộ bị thu hồi đất có người thuộc diện Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh hạng 1/4, bệnh binh hạng 1/3, gia đình liệt sĩ là 20.000.000 đồng/hộ (hai mươi triệu đồng trên một hộ).

b) Hỗ trợ hộ bị thu hồi đất có người thuộc diện thương, bệnh binh có tỷ lệ thương tật từ 61% - 80% là 15.000.000 đồng/hộ (mười lăm triệu đồng trên một hộ).

c) Hỗ trợ hộ bị thu hồi đất có người thuộc diện thương, bệnh binh có tỷ lệ thương tật từ 21% - 60% là 10.000.000 đồng/hộ (mười triệu đồng trên một hộ).

2. Hộ bị thu hồi đất có người thuộc diện Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ sản xuất kinh doanh nhỏ, không còn mặt bằng sản xuất kinh doanh và bị thu hồi hết đất ở thì được hỗ trợ theo mức quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Hộ thuộc diện xóa đói giảm nghèo, dân tộc thiểu số (có giấy xác nhận của UBND cấp xã) mà trực tiếp sản xuất nông nghiệp, bị thu hồi hết đất nông nghiệp và bị thu hồi hết đất ở; sản xuất kinh doanh nhỏ, không còn mặt bằng sản xuất kinh doanh và bị thu hồi hết đất ở thì được hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ (mười triệu đồng trên một hộ).

#### **Điều 9. Hỗ trợ học phí, dịch vụ y tế**

1. Hỗ trợ học phí cho con em nhân dân thuộc diện tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện theo Quyết định số 05/2008/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về hỗ trợ học phí cho con em nhân dân thuộc diện tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 40/2008/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa đổi một số điều của Quy định hỗ trợ học phí cho con em nhân dân thuộc diện tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 05/2008/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2008.

2. Hỗ trợ dịch vụ y tế cho người thuộc diện tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện theo Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về hỗ trợ dịch vụ y tế cho người thuộc diện tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 10. Hỗ trợ người đang thuê nhà không thuộc sở hữu Nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất** (thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP và Điều 17 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT)

Hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước, khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển theo quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 3 Quy định này, người được hỗ trợ phải có hợp đồng thuê nhà theo đúng quy định của pháp luật trước thời điểm có thông báo thu hồi đất.

**Điều 11. Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn** (thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP)

Trường hợp đất thu hồi thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn được hỗ trợ bằng 75% (bảy mươi lăm phần trăm) mức bồi thường.

Tiền hỗ trợ được sử dụng theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP, nộp vào ngân sách Nhà nước và được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm của xã, phường, thị trấn; tiền hỗ trợ chỉ được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn.

**Điều 12. Hỗ trợ bằng tiền cho hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất bị thu hồi lớn**

1. Hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật, nếu có diện tích đất bị thu hồi từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 2.000m<sup>2</sup> tại thành phố Biên Hòa, 3.000m<sup>2</sup> đến dưới 6.000m<sup>2</sup> tại thị xã Long Khánh, 4.000m<sup>2</sup> đến dưới 8.000m<sup>2</sup> tại các thị trấn và 10.000m<sup>2</sup> đến dưới 20.000m<sup>2</sup> tại các khu vực nông thôn còn lại thì được xét hỗ trợ bằng tiền 25% (hai mươi lăm phần trăm) giá trị suất đầu tư hạ tầng của lô đất tái định cư tập trung quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định này; nếu có diện tích đất thu hồi từ 2.000m<sup>2</sup> đến dưới 3.000m<sup>2</sup> tại thành phố Biên Hòa, 6.000m<sup>2</sup> đến dưới 9.000m<sup>2</sup> tại thị xã Long Khánh, 8.000m<sup>2</sup> đến dưới 12.000m<sup>2</sup> tại các thị trấn và 20.000m<sup>2</sup> đến dưới 30.000m<sup>2</sup> tại các khu vực nông thôn còn lại thì được xét hỗ trợ bằng tiền 50% (năm mươi phần trăm) giá trị suất đầu tư hạ tầng của lô đất tái định cư tập trung quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định này.

Mức hỗ trợ được tính lũy tiến với diện tích đất thu hồi theo phương pháp trên.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm quy định tại Điều 7 Quy định này thì không được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 13. Hỗ trợ khác do chủ đầu tư đề nghị**

Ngoài các chính sách hỗ trợ được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định, chủ đầu tư được đề nghị thêm các khoản hỗ trợ khác nhằm mục đích đảm bảo quyền và lợi ích của người có đất, có tài sản bị thu hồi trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai chấp thuận.

Mức hỗ trợ cụ thể trong trường hợp này do chủ đầu tư đề nghị.

Các khoản hỗ trợ do chủ đầu tư tự nguyện đề nghị hỗ trợ thêm cho người có đất, tài sản bị thu hồi; không được khấu trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của doanh nghiệp phải nộp ngân sách Nhà nước.

## **Chương IV THƯỜNG CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG CHẤP HÀNH TỐT PHÁP LUẬT VỀ THU HỒI ĐẤT**

**Điều 14. Chính sách thưởng cho đối tượng chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật về thu hồi đất**

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhận tiền bồi thường và giải phóng mặt bằng, bàn giao đúng thời gian quy định của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thì được thưởng với mức thưởng được tính lũy tiến theo tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ như sau:

<b>Số tiền bồi thường, hỗ trợ</b>	<b>Mức thưởng</b>
1. Dưới 10 triệu đồng	1.000.000 đồng
2. Từ 10 triệu đồng đến dưới 20 triệu đồng	2.000.000 đồng
3. Từ 20 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng	4.000.000 đồng
4. Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	6.000.000 đồng
5. Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	8.000.000 đồng
6. Từ 200 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng	10.000.000 đồng
7. Trên 300 triệu đồng	12.000.000 đồng

## **Chương V TIÊU CHUẨN VÀ THỦ TỤC XÉT TÁI ĐỊNH CƯ**

**Điều 15. Thẩm quyền, nguyên tắc bố trí tái định cư**

## 1. Thẩm quyền xét bố trí tái định cư

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa (sau đây gọi là UBND cấp huyện) có thẩm quyền xét bố trí tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở.

## 2. Nguyên tắc bố trí tái định cư

a) UBND cấp huyện và các nhà đầu tư có trách nhiệm xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng, nhà ở để bố trí tái định cư; đảm bảo người bị thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở có chỗ ở mới tốt hơn nơi ở cũ.

b) Ưu tiên tái định cư tại chỗ cho người bị thu hồi đất tại nơi có dự án tái định cư; ưu tiên vị trí thuận lợi cho các hộ sớm thực hiện giải phóng mặt bằng, hộ có vị trí thuận lợi tại nơi ở cũ, hộ gia đình chính sách.

**Điều 16. Tiêu chuẩn được bố trí tái định cư** (thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT)

1. Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi thì được xét bố trí một (01) suất tái định cư.

2. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất, phần đất ở còn lại có diện tích dưới  $15m^2$  (mười lăm mét vuông) tại đô thị, dưới  $40m^2$  (bốn mươi mét vuông) tại nông thôn hoặc có một cạnh của thửa đất nhỏ hơn 3m nên không thể làm nhà ở được theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 39/2005/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ; hoặc phần đất ở còn lại có hình thể đặc biệt không làm lại nhà ở được; hoặc phần đất còn lại không phù hợp quy hoạch để xây dựng nhà ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi thì được xét bố trí một (01) suất tái định cư.

3. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở nằm trong hành lang an toàn khi xây dựng công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn phải di chuyển chỗ ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi thì được xét bố trí một (01) suất tái định cư.

4. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân làm nhà ở trên đất nông nghiệp mà thời điểm làm nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, trước quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt và không thuộc một trong các trường hợp sử dụng đất quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP khi bị thu hồi đất mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi thì được xét bố trí một (01) suất tái định cư.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được xét tái định cư quy định tại khoản 4 Điều này không vào khu tái định cư tập trung mà tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ

một khoản tiền bằng (=) giá trị suất đầu tư hạ tầng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

5. Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ (nhiều cặp vợ chồng) cùng chung sống, đủ điều kiện tách hộ, có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở bị thu hồi phải di chuyển chỗ ở thì ngoài việc được xét bố trí tái định cư theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, mỗi cặp vợ chồng còn lại (hộ phụ) được xét giao một (01) suất tái định cư, khi có đủ các điều kiện sau:

a) Đăng ký kết hôn trước khi có thông báo thu hồi đất và một trong hai người (vợ hoặc chồng) có tên trong sổ hộ khẩu thường trú tại địa chỉ của căn nhà có thửa đất thu hồi, không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi. Trường hợp đã lập gia đình nhưng không có đăng ký kết hôn thì phải có xác nhận của UBND cấp xã.

b) Việc bố trí tái định cư cho hộ phụ chỉ áp dụng trong phạm vi là ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em ruột, không giải quyết bố trí tái định cư cho các trường hợp có họ hàng bà con khác.

Trường hợp hộ phụ quy định tại khoản 5 Điều này không vào khu tái định cư tập trung mà tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ 50% (năm mươi phần trăm) giá trị suất đầu tư hạ tầng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

6. Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều nhân khẩu sống chung không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này bị thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở, đủ tiêu chuẩn xét tái định cư thì ngoài tiêu chuẩn được xét tái định cư theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này nếu có từ 8 đến 12 nhân khẩu, cùng chung hộ khẩu thường trú, có diện tích đất thu hồi từ 80m<sup>2</sup> đến dưới 120m<sup>2</sup> thì được xét giao thêm một (01) suất tái định cư; trường hợp không nhận tái định cư giao thêm thì được hỗ trợ 50% (năm mươi phần trăm) giá trị suất đầu tư hạ tầng quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này. Nếu có trên 12 nhân khẩu, cùng chung hộ khẩu thường trú, có diện tích đất thu hồi bằng (=) 120m<sup>2</sup> trở lên thì được xét giao thêm hai (02) suất tái định cư; trường hợp không nhận tái định cư giao thêm thì được hỗ trợ 100% (một trăm phần trăm) giá trị suất đầu tư hạ tầng của lô đất tái định cư tập trung quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

Quy định không áp dụng đối với số nhân khẩu được chuyển đến sau khi đã có thông báo thu hồi đất. Nếu số nhân khẩu là con, cháu trong hộ gia đình được sinh ra (có giấy khai sinh) sau khi có thông báo thu hồi đất thì cũng tính vào số nhân khẩu sống chung để xét theo quy định.

7. Trường hợp nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở bị thu hồi phải di chuyển chỗ ở mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi thì mỗi hộ gia đình được xét bố trí một (01) suất tái định cư.

Trường hợp hộ gia đình được xét tái định cư theo quy định tại khoản 7 Điều này không vào khu tái định cư tập trung mà tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ 50% (năm mươi phần trăm) giá trị suất đầu tư hạ tầng quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

**Điều 17. Xét tái định cư diện không ưu đãi cho người có nhà, đất không hợp pháp phải di chuyển chỗ ở**

Đối với người sử dụng đất, sở hữu nhà ở không hợp pháp phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi đất thì tùy theo từng trường hợp cụ thể, UBND cấp huyện xem xét bố trí nơi ở tại các dự án tái định cư hoặc khu dân cư nhưng không được hưởng ưu đãi theo quy định. Nền đất hoặc căn hộ tái định cư được giao có thu tiền sử dụng đất, thu tiền giá trị xây dựng căn hộ (nếu giao căn hộ) và thu tiền đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; nếu thuê nhà thì nộp tiền thuê nhà. Tùy theo tính chất đặc điểm của từng dự án mà chủ dự án bàn bạc với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường để xác định giá bán căn hộ và mức phí sử dụng hạ tầng cho phù hợp.

**Điều 18. Bố trí tái định cư (thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP và Điều 19 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT)**

1. Công khai phương án bố trí tái định cư; đối với dự án đã có khu tái định cư thì hộ gia đình, cá nhân đủ tiêu chuẩn tái định cư được xem nơi dự kiến tái định cư trước khi chuyển đến.

2. Giá đất để tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư được xác định theo Bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Giá bán nhà tái định cư do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định trên cơ sở suất đầu tư nhà ở và thực tế tại nơi bố trí nhà ở tái định cư. Giá cho thuê nhà (trường hợp tái định cư diện không ưu đãi) do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định phù hợp với từng thời điểm.

3. Nghĩa vụ tài chính của người được bố trí tái định cư: Hộ gia đình, cá nhân được giao đất, mua nhà, thuê nhà tại nơi tái định cư phải nộp tiền sử dụng đất, tiền mua nhà, tiền thuê nhà theo quy định của pháp luật và được trừ vào tiền bồi thường, hỗ trợ; nếu số tiền phải nộp để nhận đất ở, nhà ở tái định cư lớn hơn số tiền được bồi thường, hỗ trợ thì thực hiện thanh toán bằng tiền phần chênh lệch đó theo quy định

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đủ tiêu chuẩn được xét tái định cư theo quy định tại Điều 16 Quy định này thì người nhận tái định cư phải nộp tiền sử dụng đất, tiền xây dựng nhà ở (nếu giao tái định cư bằng nhà ở) và không phải nộp tiền đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Riêng đối với những suất tái định cư được xét thêm ngoài suất tái định cư chính theo quy định tại khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 16 Quy định này thì người nhận tái định cư phải nộp tiền sử dụng đất, tiền xây dựng nhà ở (nếu giao tái định cư bằng nhà ở) và tiền đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy định.

## **Điều 19. Thủ tục xét tái định cư**

1. Hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi phải di chuyển chỗ ở làm đơn xin đăng ký tái định cư hoặc đơn xin nhận khoản hỗ trợ do không nhận đất ở, nhà ở tại khu tái định cư gửi UBND cấp xã, đồng thời gửi Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (sau đây gọi là Hội đồng Bồi thường) và UBND cấp huyện; UBND cấp xã có trách nhiệm lập danh sách để xét.

2. UBND cấp xã thành lập Hội đồng xét tái định cư, thành phần gồm có:

a) Chủ tịch UBND cấp xã;

b) Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc cấp xã;

c) Cán bộ Địa chính;

d) Đại diện đoàn thể; đại diện tổ khu phố, khóm, ấp;

đ) Đại diện người có đất bị thu hồi;

3. Hội đồng Bồi thường là Hội đồng xét giải quyết tái định cư. Sau khi Hội đồng xét tái định cư cấp xã có biên bản, danh sách và văn bản đề nghị chuyển Hội đồng Bồi thường. Hội đồng Bồi thường xét và trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt.

Trường hợp công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất cấp tỉnh thực hiện thì Trung tâm Phát triển Quỹ đất cấp tỉnh đề nghị UBND cấp huyện thành lập Hội đồng Bồi thường để xét giải quyết tái định cư và trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt.

4. Danh sách bố trí tái định cư và nghĩa vụ tài chính (các khoản phải nộp khi nhận đất hoặc nhận nhà tái định cư) của từng đối tượng được thông báo và niêm yết công khai tại trụ sở thôn, ấp hoặc các điểm dân cư tương tự; trụ sở UBND cấp xã trong thời gian 20 (hai mươi) ngày trước khi Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt.

Nội dung thông báo gồm: Địa điểm, quy mô quỹ đất, quỹ nhà tái định cư, thiết kế, diện tích từng lô đất, căn hộ, giá đất, giá nhà tái định cư; dự kiến bố trí các hộ vào tái định cư.

## **Điều 20. Trách nhiệm của chủ dự án trong việc bố trí tái định cư**

a) Chủ dự án nộp tạm ứng trước kinh phí về hạ tầng tái định cư cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường và được khấu trừ vào tiền thuê đất hoặc tiền sử dụng đất phải nộp của dự án.

b) Mức tiền thu ứng trước về hạ tầng tái định cư được tính bằng 15% (mười lăm phần trăm) trên tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ của từng dự án; nếu



phương án bồi thường có phần hỗ trợ tái định cư cho trường hợp không vào khu tái định cư tập trung thì số tiền thu ứng trước về hạ tầng tái định cư được trừ (-) giá trị phần hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp không vào khu tái định cư tập trung.

c) Tiền thu ứng trước về hạ tầng tái định cư tính vào phương án bồi thường cho tất cả các dự án do Nhà nước thu hồi đất. Số tiền thu được Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chuyển vào quỹ hạ tầng tái định cư của các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa để thực hiện việc xây dựng các khu tái định cư.

## **Chương VI** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 21. Khen thưởng, xử phạt**

Người bị thu hồi đất; các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thì được khen thưởng theo quy định của Nhà nước. Chủ dự án đầu tư có thành tích trong công tác bồi thường, được đề nghị khen thưởng.

Người bị thu hồi đất; các tổ chức, cá nhân làm công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng nếu có sai phạm đều bị xử lý kỷ luật, tùy theo mức độ vi phạm mà có thể bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

### **Điều 22. Tổ chức thực hiện**

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định này.

Việc tổ chức phối hợp thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, học nghề, giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai chỉ đạo xử lý./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Quốc Thái